VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: 47 Quang Trung - Cua Nam Ward - Hanoi - Vietnam
Website: coalimex.vn * Tel: (024) 3.9424 634 * Fax: (024) 3.9422 350

Hanoi, November 18, 2026
Ref: 02-2027 LOI/SLT-CNHN

THƯ MỜI BÁO GIÁ
LETTER OF INQUIRY

Kính gửi: Quý Công ty
To: Whom It May Concern

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex) hiện đang có nhu cầu thu thập thông tin về giá than nhập khẩu có nhiệt năng tịnh điển hình 5.500 kcal/kg (cơ sở nhận) nhằm phục vụ công tác nghiên cứu thị trường.

Vinacomin – Coal Import Export Joint Stock Company (Coalimex) is seeking indicative price information for imported coal with typical Net Calorific Value of 5,500 kcal/kg (as received basis) for market research purposes.

Trân trọng kính mời Quý Công ty quan tâm gửi báo giá cho chúng tôi, với các nội dung cụ thể như sau:

We hereby invite interested Suppliers to submit quotations as follows:

1. Thông tin yêu cầu báo giá được quy định tại Phụ lục I đính kèm/ *The requested quotation information is specified in the attached Appendix I.*

2. Báo giá điền theo Mẫu báo giá quy định tại Phụ lục II đính kèm/ *Quotation shall be fully completed in accordance with the Quotation Form specified in the attached Appendix II.*

3. Thời hạn nhận báo giá/ *Quotation submission deadline*:

Không muộn hơn 16h30 (Giờ Hà Nội) ngày 20/11/2026/ *No later than 16h30 (Hanoi time), November 20, 2026.*

4. Báo giá được ký và đóng dấu (Bản scan hoặc bản gốc) vui lòng gửi về/ *The signed and stamped quotations (scanned copies or originals) shall be submitted to*:

- Email: coalimexhn@gmail.com; hoặc/ *or*
- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, Tầng 28 Tòa nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *Address: Vinacomin – Coal Import Export Joint Stock Company, Floor 28, Vinacomin Tower, 3 Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa ward, Hanoi, Vietnam.*

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: No. 47 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam
Website: coalimex.vn * Tel: (024) 3.9424 634 * Fax: (024) 3.9422 350

Bản scan báo giá được xem là bản gốc và có giá trị pháp lý tương đương bản gốc/ *The scanned copy shall be treated as orignal and shall have the same validity as the original document.*

Trong trường hợp Quý Công ty cần thêm thông tin hoặc có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng liên hệ với Coalimex qua địa chỉ email: coalimexhn@gmail.com/ *Should Suppliers require any further information or have any questions, please contact Coalimex via email at coalimexhn@gmail.com.*

Trân trọng,

Sincerely yours,

ĐẠI DIỆN COALIMEX
ON BEHALF OF COALIMEX

M.S.D.N: 0100100304 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN COALIMEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DAO XUAN VIET
PHÓ GIÁM ĐỐC/ *DEPUTY DIRECTOR*

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: No. 47 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam
Website: coalimex.vn * Tel: (024) 3.9424 634 * Fax: (024) 3.9422 350

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
APPENDIX I: INFORMATION FOR QUOTATION

<table>
<tr><td>1. Hàng hoá
Commodity</td><td>Than có nhiệt năng tịnh điển hình 5.900 kcal/kg cơ sở nhận.
Coal with typical Net Calorific value of 5,900 kcal/kg as received basis.</td></tr>
<tr><td>2. Khối lượng
Quantity</td><td>160.000 tấn +/-10%
160,000 MT +/-10%</td></tr>
<tr><td>3. Thông số kỹ thuật than
Coal Specifications</td><td>Theo tiêu chuẩn ISO - Cơ sở nhận (ARB), Cơ sở khí khô (ADB), Cơ sở khô (DB).
According to ISO standards - on As Received Basis (ARB), Air Dried Basis (ADB), Dry Basis (DB).
<table>
<tr><th>Chỉ tiêu
Parameters</th><th>Cơ sở
Basis</th><th>Điển hình
Typical</th><th>Từ chối
Rejection</th></tr>
<tr><td>Tổng ẩm
Total Moisture</td><td>ARB</td><td>10%
10%</td><td>> 13%
> 13%</td></tr>
<tr><td>Nội ẩm
Inherent Moisture</td><td>ADB</td><td>1,5% - 2,0%
1.5% - 2.0%</td><td>Không áp dụng
Not applicable</td></tr>
<tr><td>Độ tro
Ash</td><td>ADB</td><td>27% - 30%
27% - 30%</td><td>Không áp dụng
Not applicable</td></tr>
<tr><td>Lưu huỳnh
Total Sulphur</td><td>ADB</td><td>1,0%
1.0%</td><td>> 1,2%
> 1.2%</td></tr>
<tr><td>Chất bốc
Volatile Matter</td><td>ADB</td><td>20%</td><td>23%</td></tr>
<tr><td>Nhiệt năng tịnh
Net Calorific Value</td><td>ARB</td><td>5.900 kcal/kg
5,900 kcal/kg</td><td>< 5.800 kcal/kg
< 5,800 kcal/kg</td></tr>
<tr><td>H trong than
H in coal</td><td>ADB</td><td>3,0%
3.0%</td><td>> 3,5%
> 3.5%</td></tr>
<tr><td>Fe_2O_3 trong tro than
Fe_2O_3 in ash</td><td>DB</td><td>4% - 6%
4% - 6%</td><td>> 8%
> 8%</td></tr>
<tr><td>Cỡ hạt 0-50mm
Size 0-50mm</td><td></td><td>95%
95%</td><td>Không áp dụng
Not applicable</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: No. 47 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam
Website: coalimex.vn * Tel: (024) 3.9424 634 * Fax: (024) 3.9422 350

	Nhiệt độ nóng chảy của tro than (trong môi trường khử): T1 (Nhiệt độ biến dạng) T3 (Nhiệt độ hình bán cầu) *Ash fusion temperature (in reduced environment):* *T1 (Initial deformation temperature)* *T3 (Hemispherical temperature)*		T1 ≥ 1250°C T3 ≥ 1400°C *T1 ≥ 1250°C* *T3 ≥ 1400°C*	T1 < 1250°C T3 < 1400°C *T1 < 1250°C* *T3 < 1400°C*

4. Kế hoạch giao hàng
Delivery schedule

Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng: Tháng 1-2/2027
Delivery schedule at discharging port: January – February 2027
- Tiến độ giao hàng/ *Tentative delivery schedule:*

Tháng giao hàng *Delivery month*	Khối lượng giao hàng (tấn) *Delivery quantity (MT)*
Nửa đầu tháng 1/2027 *First half of January 2027*	80.000 *80,000*
Nửa đầu tháng 2/2027 *First half of February 2027*	80.000 *80,000*

5. Cảng dỡ hàng
Discharging port

Cảng Cẩm Phả và/hoặc vùng neo Hòn Miều, Quảng Ninh, Việt Nam (Phù hợp với quy định của cảng vụ theo từng thời điểm).
Cam Pha port and/or Hon Mieu Anchorage, Quang Ninh, Vietnam (Depend on port authority regulations from time to time).

6. Đơn giá
Unit price

Đơn giá CFR, không bao gồm chi phí dỡ hàng.
CFR unit price, not including discharging fee.

7. Điều chỉnh giá
Price Adjustment

Nếu Nhiệt năng tịnh (ARB) thực tế được xác định trong Chứng thư chất lượng tại cảng xếp hàng khác với 5.900 kcal/kg, nhưng trong khoảng từ 5.800 kcal/kg đến 6.100 kcal/kg thì đơn giá CFR sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

	If the actual Net Calorific Value (ARB) on the Certificate of Analysis at loading port is different from 5,900 kcal/kg, but within the range of 5,800 kcal/kg – 6,100 kcal/kg, then the CFR unit price shall be adjusted using the following formula: Đơn giá CFR điều chỉnh = Đơn giá FOB x Nhiệt năng tịnh thực tế (ARB)/ 5.900 kcal/kg + đơn giá Cước vận chuyển *Adjusted CFR unit price = FOB unit price x Actual Net Calorific Value (ARB)/ 5,900 kcal/kg + Freight unit price* Nhiệt năng tịnh (ARB) được giới hạn ở mức 6.100 kcal/kg. Nghĩa là, nếu Nhiệt năng tịnh (ARB) tại cảng xếp hàng cao hơn 6.100 kcal/kg thì sẽ được tính như là 6.100 kcal/kg. *Net Calorific Value (ARB) to be capped at 6,100 kcal/kg, which means in case Net Calorific Value (ARB) at loading port exceeds 6,100 kcal/kg, it shall be calculated as 6,100 kcal/kg.*
8. Tốc độ dỡ hàng *Discharging rate*	8.000 tấn/ngày trong 24 giờ liên tục bao gồm cả Thứ bảy và Chủ Nhật, trừ một số ngày lễ lớn theo lịch Việt Nam. *8,000 MT/day for 24 consecutive hours including Saturdays and Sundays, excluding the major holidays according to calendar in Vietnam.*
9. Phạt/thưởng dỡ hàng *Demurrage/Despatch rate*	Không vượt quá 15.000/7.500 USD/ngày. *Not exceeding 15,000/7,500 USD per day.*
10. Điều khoản thanh toán *Payment term*	L/C cho 80% giá trị hợp đồng và 20% còn lại bằng T/T sau khi hoàn thành dỡ hàng. *L/C for 80% of contract value and the remaining 20% by T/T after discharging completed.*

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: No. 47 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam
Website: coalimex.vn * Tel: (024) 3.9424 634 * Fax: (024) 3.9422 350

PHỤ LỤC II
MẪU: BÁO GIÁ
APPENDIX II
FORM: QUOTATION

Ngày: ____ [ghi ngày tháng năm của Báo giá]
Date: ____ [insert date, month, year of the Quotation]
Thư mời Báo giá số: __ [ghi số trích yếu của Thư mời Báo giá]
Letter of Inquiry No. ___ [insert number of the Letter of Inquiry]

Chúng tôi/ *We*, _____[Tên Công ty/ *Company name*] xin báo giá như sau/ *hereby submit the quotation as follows*:

1. Hàng hóa: Than có nhiệt năng tịnh điển hình _____ kcal/kg cơ sở nhận
   Commodity: Coal with typical Net Calorific value of _____ kcal/kg as received basis.
2. Khối lượng/ *Quantity*: ____
3. Xuất xứ/ *Origin:* ____
4. Giá chào/ *Quotation Price*:
   CFR cảng dỡ hàng/ *CFR discharging port* (Incoterms 2020): _____USD/MT, trong đó/ *in which*:
   - FOB: ____USD/MT
   - Cước vận chuyển/ Freight: ____USD/MT

   Không bao gồm chi phí dỡ hàng/ *Not including the discharging fee.*
5. Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng/ *Delivery schedule at discharging port:*____
6. Cảng dỡ hàng/ *Discharging port*: ____
7. Chất lượng hàng hóa/ *Coal specifications*: ___
8. Tốc độ dỡ hàng/ *Discharging rate:*___
9. Phạt/thưởng dỡ hàng/ *Demurrage/Despatch rate*:___
10. Điều khoản thanh toán/ *Payment terms:* ____

Đại diện hợp pháp của NCC
Legal representative of the Applicant
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
[Full name, position, signature and seal]